

1

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN T Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH LONG AN

Bản án số: 48/2022/DSST
Ngày 07 - 6 - 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trần Văn Nhị

2- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-DS ngày 04/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông A, sinh năm: 1959. Địa chỉ: 15/4 ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. (có mặt)

Bị đơn: bà Hồ Thị Đ, sinh năm: 1960 và ông Lê Hoàng N, sinh năm: 1959. Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2022 và trong quá trình tố tụng của vụ án nguyên đơn ông A, trình bày:

Bà Đ và ông N có làm chủ hụi, cụ thể:

Dây 1: hụi giá 1.000.000đ, mỗi tháng khai 01 lần, khai ngày đầu tiên là ngày 20/9/2018 dương lịch, hụi tổng có 20 phần, hụi hưởng hoa hồng. Trong dây hụi này ông A tham gia 02 phần, ông A hốt cuối mỗi phần 18.000.000 đồng, tổng 2 phần được 36.000.000 đồng, hoa hồng mỗi phần 400.000 đồng, hai phần là 800.000 đồng. Như vậy số tiền ông A hốt hụi cuối 2 phần sau khi trừ tiền hoa

hồng là 35.200.000 đồng nhưng đến nay bà Đ và ông N chưa giao tiền hội cho ông A.

Dây 2: hội giá 1.000.000đ, mỗi tháng khai 01 lần, khai ngày đầu tiên là ngày 05/02/2018 dương lịch, hội tổng có 22 phần, hội hưởng hoa hồng. Trong dây hội này ông A tham gia 02 phần, ông A hót cuối mỗi phần 20.000.000 đồng, tổng 2 phần được 40.000.000 đồng, hoa hồng mỗi phần 400.000 đồng, hai phần là 800.000 đồng. Như vậy số tiền ông A hót hội cuối 2 phần sau khi trừ tiền hoa hồng là 39.200.000 đồng nhưng đến nay bà Đ và ông N chưa giao tiền hội cho ông A.

Bị đơn là bà Hồ Thị Đ và ông Lê Hoàng N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần thông báo về phiên hòa giải nhưng bà Đ và ông N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông A và cũng không tham gia hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: ông A yêu cầu bà Hồ Thị Đ và ông Lê Hoàng N trả tiền góp hội, như vậy tranh chấp giữa ông A với bà Đ và ông N là tranh chấp hợp đồng góp hội. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Tại thời điểm giao kết hợp đồng góp hội, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ đang có hiệu lực thi hành nên được áp dụng để giải quyết tranh chấp.

Bị đơn là bà Hồ Thị Đ và ông Lê Hoàng N đã được thông báo việc mở phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Hồ Thị Đ và ông Lê Hoàng N theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông A thấy rằng:

Ông A có tham gia 01 dây hội do bà Hồ Thị Đ và ông Lê Hoàng N làm chủ hội gồm:

Dây 1: hội giá 1.000.000đ, mỗi tháng khai 01 lần, khai ngày đầu tiên là ngày 20/9/2018 dương lịch, hội tổng có 20 phần, hội hưởng hoa hồng. Trong dây hội này ông A tham gia 02 phần, ông A hót cuối mỗi phần 18.000.000 đồng, tổng 2 phần được 36.000.000 đồng, hoa hồng mỗi phần 400.000 đồng, hai phần là 800.000 đồng. Như vậy số tiền ông A hót hội cuối 2 phần sau khi trừ tiền hoa hồng là 35.200.000 đồng nhưng đến nay bà Đ và ông N chưa giao tiền hội cho ông A.

Dây 2: hụi giá 1.000.000đ, mỗi tháng khui 01 lần, khui ngày đầu tiên là ngày 05/02/2018 dương lịch, hụi tổng có 22 phần, hụi hưởng hoa hồng. Trong dây hụi này ông A tham gia 02 phần, ông A hốt cuối mỗi phần 20.000.000 đồng, tổng 2 phần được 40.000.000 đồng, hoa hồng mỗi phần 400.000 đồng, hai phần là 800.000 đồng. Như vậy số tiền ông A hốt hụi cuối 2 phần sau khi trừ tiền hoa hồng là 39.200.000 đồng nhưng đến nay bà Đ và ông N chưa giao tiền hụi cho ông A.

Tổng số tiền bốn dây hụi mà bà Đ và ông N còn thiếu ông A là 74.400.000 đồng. Trong thời gian làm chủ hụi bà Đ và ông N là vợ chồng, việc chơi hụi là để có tiền huê hồng chi tiêu cuộc sống gia đình nên ông A yêu cầu bà Đ và ông N liên đới trả cho ông A số tiền hụi còn nợ là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì yêu cầu của ông A được chấp nhận nên bà Đ và ông N phải chịu toàn bộ tiền án phí nhưng bà Đ và ông N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 14, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ; luật người cao tuổi.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông A đối với bà Hồ Thị Đ, và ông Lê Hoàng N về hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Hồ Thị Đ, và ông Lê Hoàng N phải trả cho ông A 74.400.000 đồng tiền hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bà Hồ Thị Đ, và ông Lê Hoàng N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hồ Thị Đ, và ông Lê Hoàng N, ông A không phải chịu án phí.

3. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 07/6/2022, bị đơn có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lưu Thủy